Tên: ……..

Lớp: S7…

Ngày giao bài: Thứ ……, ngày ……/…….

Ngày nộp bài: Thứ ……, ngày ……/…….

Ngữ pháp HW: ……

Đọc HW: ……

GLOBAL ENGLISH 7

UNIT 8: IN THE NEWS – GRAMMAR REVISION & SUPPLEMENTARY GRAMMAR

A. THEORY

I. GRAMMAR

1. Supplementary Grammar: Present perfect

a. Cách dùng:

- Diễn tả một hành động **diễn ra trong quá khứ** và vẫn còn **tiếp diễn đến hiện tại**.
  E.g. They **have worked** here for nearly fifty years. *(Họ đã làm việc ở đây được gần 50 năm).*
- Diễn tả hành động đã **hoàn thành cho tới thời điểm hiện** tại mà **không đề cập** tới thời điểm **xảy ra khi nào**.
  E.g. He **has lost** my key. *(Anh ấy đã làm mất chìa khóa của tôi).*

b. Dấu hiệu:

- *recently, lately (gần đây), already (rồi), before (trước đây), yet (chưa), just (vừa mới)*, etc.
- **for** + **khoảng thời gian** (for a year, for a long time, for 2 months, etc.): *trong vòng ...*
- **since** + **mốc/điểm thời gian** (since 1992, since June, etc.): *kể từ khi ...*

c. Cấu trúc:

Khẳng định	**S + have/has + V3**	***E.g.*** I **have seen** this film recently.
Phủ định	**S + have/has + not + V3**	***E.g.*** She **has not taught** German here since 2011.
Nghi vấn	**Have/Has + S + V3?** **→Yes, S + have/has.** **→No, S + haven't/hasn't.**	***E.g.*** **Have** you **finished** your work? → Yes, I **have**./No, I **haven't**.
	Wh-question + have/has + S + V3?	***E.g.*** Where **has** the cat **gone**?

2. Review: Past Continuous

a. Cách dùng:

– Diễn tả một hành động hoặc sự việc xảy ra tại một thời điểm xác định trong quá khứ.
Ví dụ: **At 9 p.m. yesterday**, my family **was watching** TV.

– Diễn tả hai hay nhiều hành động đang xảy ra đồng thời trong quá khứ.
Ví dụ: **At 9 p.m. yesterday**, I **was driving** while my brother **was singing**.

– Diễn tả một hoạt động đang diễn ra thì bất chợt có hành động khác xen vào.
Ví dụ: When Jane came, we **were having** dinner.

b. Dấu hiệu:

	Cách dùng	Cấu trúc	Ví dụ
While	Diễn tả **hai hành động dài** đang diễn ra **đồng thời** trong quá khứ	While + S + was/were + V-ing, S + was/were + V-ing	I was reading **while** he was sleeping.
	Diễn tả **một hành động dài** đang diễn ra thì **một hành động ngắn xen vào** (nhấn vào hành động dài)	While + S + was/were + V-ing, S + V2/ed	**While** we were discussing the contract, her child shouted.
When	Diễn tả **hành động ngắn xảy ra**, cắt ngang **hành động dài**	When + S + V2/ed, S + was/were + V-ing	**When** the phone rang, I was having a shower.
	Diễn tả **hành động dài đang diễn ra** thì **hành động ngắn xen vào** (nhấn vào hành động ngắn)	When + S + was/were + V-ing, S + V2/ed	**When** we were talking, John suddenly came in.

c. Cấu trúc:

Loại câu	Cấu trúc	Ví dụ
Khẳng định	S + was/were + V_{ing}.	She **was planting** trees at 4 p.m. yesterday.
Phủ định	S + wasn't/weren't + V_{ing}.	They **weren't working** at a computer company at that time in 1990.
Nghi vấn	Was/Were + S + V_{ing}? ➢ Yes, S + was/were. ➢ No, S + wasn't/weren't.	**Was** he **eating** while I **was studying**? – No, he was not.
Wh-question	Wh- + was/were + S + V_{ing}?	Where **was** he **learning** at 8 p.m. yesterday?

LIVEWORKSHEETS

II. CAMBRIDGE VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	**personal trainer** (n)	huấn luyện viên cá nhân	4	**range** (n)	phạm vi, nhiều loại
2	**skilled** (adj)	có kỹ năng, lành nghề	5	**compete (against)** (v)	thi đấu, cạnh tranh (với)
3	**expertise** (n)	chuyên môn			

***Note:** *n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ; v = verb: động từ.*

B. CLASSWORK (14 questions)

I. Circle the correct answers.

1. She _____ in this company for five years.
   A. works B. worked C. has worked D. was working
2. I _____ my homework yet, so I can't go out now.
   A. didn't finish B. haven't finished C. wasn't finishing D. don't finish
3. While we _____ dinner, the lights suddenly went out.
   A. had B. have had C. are having D. were having
4. _____ you ever visited Paris?
   A. Did B. Have C. Were D. Are
5. At 8 p.m. yesterday, they _____ football in the park.
   A. played B. have played C. were playing D. play
6. She _____ just _____ the report, so she is relaxing now.
   A. has / finished B. did / finish C. was / finishing D. have / finished
7. When the teacher _____ into the classroom, the students were talking loudly.
   A. comes B. came C. has come D. was coming
8. We _____ for the bus when it started raining heavily.
   A. waited B. have waited C. were waiting D. wait

II. Fill in the blank with the correct forms of the words given in the box.

study	cook	finish	just lose	rain	travel

1. I _____ my wallet, so I can't pay for the ticket now.
2. While my brother _____ in his room, I was listening to music in the living room.
3. It _____ heavily when we left the cinema last night.
4. She _____ her project recently and is preparing for the presentation.
5. While they _____ through the mountains, they saw a beautiful waterfall.
6. When I arrived home yesterday evening, my mother _____ dinner in the kitchen.

C. HOMEWORK

GRAMMAR (18 questions)

I. Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ ở phần II. Cambridge Vocabulary 1 dòng vào vở ghi.

LIVEWORKSHEETS

II. Match to make meaningful sentences.

1. My brother has travelled	1-	a. the presentation yet?
2. Where were you going	2-	b. when I saw you yesterday?
3. She was listening to music	3-	c. the office yesterday afternoon.
4. Has she finished	4-	d. to many countries in Asia.
5. They weren't working at	5-	e. while doing her homework.

III. Complete the sentences using the correct forms of the verbs in brackets.

1. She _____ **(live)** in this neighbourhood for ten years. She's still there now.
2. I _____ **(never / try)** Japanese street food before.
3. At 9 p.m. yesterday, the students _____ **(prepare)** for their final presentation.
4. While the engineers _____ **(check)** the equipment, a warning alarm suddenly _____ **(ring)**.
5. When the meeting _____ **(start)**, several staff members _____ **(still / discuss)** the report.
6. While the rescue team _____ **(search)** the forest, they suddenly _____ **(find)** a missing hiker.
7. While we _____ **(walk)** through the park, we suddenly _____ **(see)** a deer.
8. The university _____ **(recently / announce)** a new international scholarship programme.

IV. Write the sentences based on the given prompts.

1. she / just / finish / the report / .
   → _____
2. they / live / in this city / since 2018 / .
   → _____
3. while / the students / discuss / the problem / the teacher / observe / them / .
   → _____
4. when / the phone / ring / we / have / dinner / .
   → _____
5. she / not finish / the assignment / yet / .
   → _____

LIVEWORKSHEETS

CAMBRIDGE READING PRACTICE (10 questions)

Lưu ý:

1. Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài.

I. PET Part 2

Questions 6–10

For each question, choose the correct answer.

The people below all want to do something to keep fit.
On the opposite page there are eight descriptions of fitness activities.
Decide which activity would be the most suitable for the people below.

6



Theo is new to the area and wants to get fit for the first time in his life. He is more interested in team sports and would like to make friends as well.

7



Barbara loves running and would like to join a running club. She can't afford a membership fee to begin with but if she likes it, she'd be keen to sign up and volunteer as well.

8



Tracy has decided to join a gym. She wants to have someone who can help and encourage her to work hard. She'd also like to go swimming at the weekend.

9



Steve is looking for a personal trainer and is returning to exercise after hurting his ankle. He is busy at work and needs someone who is available any day.

10



Debbie is a keen athlete and wants to find somewhere she can train on a **race-track** and compete against other athletes. She likes to train early in the morning.

LIVEWORKSHEETS

Fitness activities

A Stevie's Gym

Stevie's Gym is well known in the area for offering the best in everything to do with health and fitness. Relax in our luxury swimming pool or use the latest equipment in the gym. It's easy to lose interest if you don't have the right support, and our skilled team of trainers will get you started and help you stay focused.

B Blackwell Gym

The very best in personal service. Our members get a free health check when they join. We will then discuss your aims and design a personal programme to help you achieve your goals. Open six days a week, closed on Sundays.

C The Arcadian Harriers

We meet in the Arcadian Leisure Centre twice a week and set off on planned routes around the area. Join us on Tuesday for the 6k run and Thursday for the 10k. You don't have to become a member to run with us, but we'd love it if you did. We are also looking for people to help out with events.

D JDC Gym

We offer personal, one-to-one training programmes for beginner and more advanced workouts. Our trainers are available seven days a week and can meet you at the gym or at a place that's more convenient to you. Build your strength and fitness and get help with any injuries you may have.

E Temple Health and Fitness

Whether you want to improve your fitness or lose weight, you can be sure to find the support you need to achieve your goals with our team of personal trainers. Visit our website to view their personal profiles and areas of expertise. Currently we are offering sessions at weekends only.

F Arena Leisure Centre

We know that some days are perfect for achieving goals in the gym, while others are best spent relaxing in the sauna. Whatever your needs, we can promise you a personal service. Please note the swimming pool is being used for competitions every Saturday and Sunday and is not open to the public on these days.

G Central Fitness and Leisure

We are one of the larger leisure centres in the area and can offer a huge range of activities at our 24-hour gym and 400-metre running track that is free to use for members. Sign up to our monthly league table and see how your times compare to other members.

H Sport Special

For those who want to focus on their own personal fitness, Sport Special provides members with a modern gym with the latest equipment. The leisure centre also organises group events such as five-a-side football or hockey. After the match, get to know your team mates in the café for tea, coffee and snacks.

LIVEWORKSHEETS

II. Extra Reading

Read the text again and choose the best answer (A, B or C).

1. **Where can you swim and use modern gym equipment?**

   A. Blackwell Gym

   B. Stevie's Gym

   C. JDC Gym

2. **Which place gives new members a health check and a personal fitness plan?**

   A. Central Fitness and Leisure

   B. Blackwell Gym

   C. Arena Leisure Centre

3. **Where can people join a group that runs together on planned routes?**

   A. JDC Gym

   B. The Arcadian Harriers

   C. Sport Special

4. **Which place offers training with a coach who can meet you somewhere convenient?**

   A. JDC Gym

   B. Temple Health and Fitness

   C. Arena Leisure Centre

5. **Where can members play team sports and meet in a café afterwards?**

   A. Central Fitness and Leisure

   B. Arena Leisure Centre

   C. Sport Special

LIVEWORKSHEETS